

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 37

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty"), tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chính thức chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2016
Bà Mai Hương Nội	Thành viên	
Bà Nguyễn Mai Hoa	Thành viên	
Bà Vũ Thị Hồng Xiêm	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Việt Hà	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ đến ngày lập báo cáo này là Ông Lê Thăng Long, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61306203/18941473

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong các kỳ báo cáo trước đây, giá thành hàng tồn kho, là các ấn phẩm sách, báo, được Công ty ghi nhận trên cơ sở bằng giá bìa trừ đi một mức chiết khấu nhất định cho từng đầu sách. Ngoài ra, Công ty cũng ghi nhận các đầu sách được đối tác ký gửi để bán qua hệ thống bán hàng của Công ty là hàng tồn kho của Công ty tại ngày 26 tháng 4 năm 2016. Do hạn chế của hệ thống sổ sách kế toán của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định giá trị chiết khấu được Công ty ghi nhận vào giá thành hàng tồn kho tại ngày 27 tháng 4 năm 2016, cũng như xác định giá trị hàng tồn kho là sách do các đối tác ký gửi tại Công ty tại ngày này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh, nếu cần thiết, đối với báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 19.1 của báo cáo tài chính:

- ▶ báo cáo xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt cho đến ngày của báo cáo này; và
- ▶ trong khi chờ đợi phê duyệt trên, Công ty đã điều chỉnh một số khoản mục tài sản và nợ phải trả của Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam vào lỗ lũy kế do đây là các vấn đề tài chính đã tồn đọng từ trước khi Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 15 tháng 8 năm 2016 do (i) Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí tiền thuê nhà và thuê đất tại các địa điểm kinh doanh của Công ty; (ii) hạn chế về phạm vi kiểm toán liên quan đến một vụ kiện tụng mà Công ty tham gia với tư cách nguyên đơn; (iii) công ty kiểm toán chưa thu thập đầy đủ biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ phải thu, phải trả; (iv) hạn chế về phạm vi kiểm toán liên quan đến việc xác định giá trị chiết khấu được Công ty ghi nhận vào hàng tồn kho và (v) Công ty chưa đánh giá lại các khoản đầu tư dài hạn tại ngày 26 tháng 4 năm 2016.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1



Trần Thanh Thúy
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3076-2014-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 27 tháng 4 năm 2016 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		724.959.645.705	729.733.120.990
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	99.596.238.006	699.919.779.201
111	1. Tiền		76.096.238.006	692.919.779.201
112	2. Các khoản tương đương tiền		23.500.000.000	7.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		12.000.000.000	10.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	12.000.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		608.788.626.799	12.217.997.820
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	5.222.695.829	3.686.254.081
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	728.020.699	723.686.530
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	25	600.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.781.311.806	7.808.057.209
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		56.598.465	-
140	IV. Hàng tồn kho		4.571.780.900	7.595.343.969
141	1. Hàng tồn kho	8	4.571.780.900	7.595.343.969
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.000.000	-
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.000.000	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 27 tháng 4 năm 2016 (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		38.223.891.664	67.198.795.175
220	I. Tài sản cố định		9.853.316.548	10.148.012.450
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	9.626.993.259	10.148.012.450
222	Nguyên giá		18.833.099.502	18.833.099.502
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.206.106.243)	(8.685.087.052)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	226.323.289	-
228	Nguyên giá		231.467.000	-
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.143.711)	-
230	II. Bất động sản đầu tư	11	14.099.466.110	15.152.873.254
231	1. Nguyên giá		32.885.692.485	32.885.692.485
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(18.786.226.375)	(17.732.819.231)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		4.500.000.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	4.500.000.000	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	9.394.762.191	18.580.279.511
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.239.919.511	3.239.919.511
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.340.360.000	15.340.360.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(9.185.517.320)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		376.346.815	23.317.629.960
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	376.346.815	23.317.629.960
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		763.183.537.369	796.931.916.165

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 27 tháng 4 năm 2016 (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		59.247.285.231	46.040.809.156
310	I. Nợ ngắn hạn		58.525.976.031	46.040.809.156
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	6.779.361.471	7.804.972.182
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		27.930.400	41.987.424
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.340.331.187	536.729.424
314	4. Phải trả người lao động		547.712.949	6.803.900
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	44.152.987.647	23.036.694.854
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		495.146.459	1.375.593.997
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.182.505.918	13.238.027.375
330	II. Nợ dài hạn		721.309.200	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	721.309.200	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		703.936.252.138	750.891.107.009
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	703.936.252.138	750.891.107.009
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		679.099.600.000	679.099.600.000
411a	- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết		679.099.600.000	679.099.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.791.507.009	71.791.507.009
421	3. Lỗ lũy kế		(46.954.854.871)	-
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(55.836.728.309)	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		8.881.873.438	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		763.183.537.369	796.931.916.165

Nguyễn Thị Minh
Người lập

Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	18.118.020.688	7.885.227.979
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	18.118.020.688	7.885.227.979
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(12.388.255.136)	(2.818.792.449)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.729.765.552	5.066.435.530
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	21.431.245.148	826.861.204
22	7. Chi phí tài chính		(61.724.679)	(1.256.262)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	(4.428.686.376)	(2.167.498.165)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(11.229.390.754)	(3.050.132.809)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.441.208.891	674.409.498
31	11. Thu nhập khác		165.786.698	101.616.492
32	12. Chi phí khác		(346.495.970)	-
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(180.709.272)	101.616.492
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.260.499.619	776.025.990
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	(2.378.626.181)	(126.608.285)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		8.881.873.438	649.417.705
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	131	Không áp dụng
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	131	Không áp dụng



Nguyễn Thị Minh
Người lập



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016 (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		11.260.499.619	776.025.990
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		1.579.570.046	164.803.544
03	Các khoản dự phòng		59.625.841	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	20.2	(21.415.976.945)	(730.913.037)
08	(Lỗ)/lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(8.516.281.439)	209.916.497
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		1.317.037.167	(911.005.504)
10	Giảm hàng tồn kho		3.016.341.069	229.953.627
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(8.737.570.202)	6.408.258.827
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		22.388.291	(1.870.356.627)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(12.898.085.114)	4.066.766.820
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.731.467.000)	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(612.000.000.000)	(10.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		19.306.010.919	645.425.277
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(587.425.456.081)	(9.354.574.723)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	682.021.185.382
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	682.021.185.382

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016 (Trình bày lại)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(600.323.541.195)	676.733.377.479
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		699.919.779.201	23.186.401.722
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	99.596.238.006	699.919.779.201



Nguyễn Thị Minh
 Người lập



Đặng Xuân Ánh
 Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”), tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chính thức chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 79 người (ngày 27 tháng 4 năm 2016: 89 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Lập báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Vào ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016.

Công ty lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Theo đó, dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 26 tháng 4 năm 2016 được kế thừa từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trước khi chuyển đổi, và dữ liệu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 27 tháng 4 năm 2016, là ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần, đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Các kỳ kế toán năm tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 – 39 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 19 năm
Phương tiện vận tải	5 – 12 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 – 39 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 19 năm

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 27 tháng 4 năm 2016</i>
Tiền mặt	149.169.408	190.634.272
Tiền gửi ngân hàng	75.947.068.598	692.729.144.929
Các khoản tương đương tiền (*)	23.500.000.000	7.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>99.596.238.006</u>	<u>699.919.779.201</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại ngân hàng thương mại với lãi suất 5%/năm và có kỳ hạn 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>		<i>Ngày 27 tháng 4 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	12.000.000.000	12.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>12.000.000.000</u>	<u>12.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn 6 tháng hưởng lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 27 tháng 4 năm 2016</i>
Phải thu từ khách hàng	1.239.006.445	2.945.960.881
- Công ty TNHH In và thương mại Ba Sao	199.650.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển In Việt Nam	135.380.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	903.976.445	2.945.960.881
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	3.983.689.384	740.293.200
TỔNG CỘNG	5.222.695.829	3.686.254.081
<i>Trong đó:</i>		
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 27 tháng 4 năm 2016</i>
Trả trước cho người bán		
- Trung tâm Dịch thuật Dịch vụ Văn hóa và Khoa học công nghệ	675.687.091	675.687.091
- Các đối tượng khác	52.333.608	47.999.439
TỔNG CỘNG	728.020.699	723.686.530

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>		<i>Ngày 27 tháng 4 năm 2016</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Phải thu lãi cho vay	332.053.887	-	438.754.528	-
Phải thu không rõ đối tượng (*)	-	-	3.576.551.289	-
Phải thu do chi vượt cổ phần hóa (**)	-	-	1.172.800.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	232.591.252	-	2.619.951.392	-
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	2.216.666.667	-	-	-
TỔNG CỘNG	2.781.311.806	-	7.808.057.209	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(*) Đây là các khoản phải thu không rõ đối tượng đã tồn tại từ trước giai đoạn cổ phần hóa. Trong kỳ, Công ty đã xóa sổ các khoản phải thu này vào lỗ lũy kế tại ngày 27 tháng 4 năm 2016 (Thuyết minh số 19).

(**) Đây là các khoản phải thu do chi vượt ngân sách cổ phần hóa được phê duyệt. Trong kỳ, Công ty đã điều chỉnh khoản phải thu do chi vượt cổ phần hóa vào lỗ lũy kế tại ngày 27 tháng 4 năm 2016 (Thuyết minh số 19).

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 27 tháng 4 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	4.571.780.900	-	7.595.343.969	-
TỔNG CỘNG	4.571.780.900	-	7.595.343.969	-

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu kỳ (Trình bày lại)	14.800.560.239	3.119.015.082	913.524.181	18.833.099.502
Số dư cuối kỳ	14.800.560.239	3.119.015.082	913.524.181	18.833.099.502
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu kỳ (Trình bày lại)	5.664.860.821	2.451.196.915	569.029.316	8.685.087.052
Khấu hao trong kỳ	361.451.383	115.057.318	44.510.490	521.019.191
Số dư cuối kỳ	6.026.312.204	2.566.254.233	613.539.806	9.206.106.243
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu kỳ (Trình bày lại)	9.135.699.418	667.818.167	344.494.865	10.148.012.450
Số dư cuối kỳ	8.774.248.035	552.760.849	299.984.375	9.626.993.259

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND
Phần mềm máy tính

Nguyên giá:

Số dư đầu kỳ	-
- Mua trong kỳ	231.467.000
Số dư cuối kỳ	<u>231.467.000</u>

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số dư đầu kỳ	-
- Hao mòn trong kỳ	5.143.711
Số dư cuối kỳ	<u>5.143.711</u>

Giá trị còn lại:

Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	<u><u>226.323.289</u></u>

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số dư đầu kỳ (Trình bày lại)	29.564.429.606	3.321.262.879	32.885.692.485
Số dư cuối kỳ	<u>29.564.429.606</u>	<u>3.321.262.879</u>	<u>32.885.692.485</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu kỳ (Trình bày lại)	15.106.793.767	2.626.025.464	17.732.819.231
- Khấu hao trong kỳ	945.925.250	107.481.894	1.053.407.144
Số dư cuối kỳ	<u>16.052.719.017</u>	<u>2.733.507.358</u>	<u>18.786.226.375</u>
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu kỳ (Trình bày lại)	14.457.635.839	695.237.415	15.152.873.254
Số dư cuối kỳ	<u>13.511.710.589</u>	<u>587.755.521</u>	<u>14.099.466.110</u>

Bất động sản đầu tư bao gồm các tòa nhà tại số 44 Phố Tràng Tiền, số 22B Phố Hai Bà Trưng, tại Huyện Đông Anh và Phố Chùa Hà đang được Công ty sử dụng để cho thuê.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 do các bất động sản này không được giao dịch thường xuyên trên thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 27 tháng 4 năm 2016</i>
Chi phí giải phóng mặt bằng khu đất 22A Hai Bà Trưng (*)	4.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	4.500.000.000	-

(*) Đây là khoản chi đền bù cho Công ty Cổ phần Bán đấu giá Hà Nội theo Thỏa thuận chấm dứt và thanh lý hợp đồng số 14112016 ký ngày 14 tháng 11 năm 2016 cho mục đích thu hồi mặt bằng tại khu đất số 22A Phố Hai Bà Trưng, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 27 tháng 4 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng (**)	Giá trị ghi sổ (*)	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty liên kết	3.239.919.511	-	3.239.919.511	3.239.919.511	3.239.919.511
Đầu tư vào đơn vị khác	15.340.360.000	(9.185.517.320)	6.154.842.680	15.340.360.000	15.340.360.000
	18.580.279.511	(9.185.517.320)	9.394.762.191	18.580.279.511	18.580.279.511

(*) Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các cổ phiếu này chưa được giao dịch trên thị trường chứng khoán.

(**) Đây là khoản dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty Liên Doanh TNHH Kim Ngọc. Trong kỳ, Công ty đã điều chỉnh khoản dự phòng đầu tư vào công ty này cho giai đoạn trước cổ phần hóa vào sổ kế tại ngày 27 tháng 4 năm 2016 (Thuyết minh số 19).

13.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 27 tháng 4 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	35	35	35	35	35

Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0104209630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 10 năm 2009. Công ty này sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 2 được cấp ngày 19 tháng 8 năm 2014. Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam có tổng số vốn điều lệ là 8,5 tỷ VND, trong đó Công ty nắm giữ 35% phần vốn chủ sở hữu. Hoạt động chính của công ty này là in ấn. Trụ sở chính của công ty này đặt tại số 22B, Phố Hai Bà Trưng, Phường Trưng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào đơn vị khác

Tên đơn vị	Ngành nghề	Đơn vị tính: VND	
		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 27 tháng 4 năm 2016
		Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc	Kinh doanh khách sạn	15,2	15,2
Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc được thành lập theo Giấy phép Đầu tư số 524/GP do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 2 năm 1993. Công ty này sau đó cũng nhận được các Giấy phép Đầu tư sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất vào ngày 31 tháng 8 năm 2012. Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc có tổng vốn điều lệ 6.804.000 USD. Hoạt động chính của Công ty này là kinh doanh dịch vụ khách sạn. Công ty có trụ sở chính tại số 23 Phố Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.		15,2	15,2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 27 tháng 4 năm 2016</i>
Công cụ, dụng cụ	376.346.815	398.735.106
Chi phí tiền thuê đất và tiền thuê nhà (*)	-	22.918.894.854
TỔNG CỘNG	376.346.815	23.317.629.960

(*) Đây là khoản tiền thuê đất và tiền thuê nhà của Công ty phát sinh trước khi Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Trong kỳ, Công ty đã điều chỉnh toàn bộ tiền thuê nhà và thuê đất đã được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trong giai đoạn trước cổ phần hóa vào lỗ lũy kế tại ngày 27 tháng 4 năm 2016. (Thuyết minh số 19).

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>		<i>Ngày 27 tháng 4 năm 2016</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán				
- Công ty TNHH Thương mại Nhất Thống	1.008.644.872	1.008.644.872	-	-
- Trung tâm Xuất khẩu sách Pháp (*)	-	-	1.171.043.052	1.171.043.052
- Phải trả đối tượng khác	5.770.716.599	5.770.716.599	6.633.929.130	6.633.929.130
TỔNG CỘNG	6.779.361.471	6.779.361.471	7.804.972.182	7.804.972.182

(*) Đây là khoản phải trả đã quá hạn 3 năm của Công ty phát sinh trước khi Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Trong kỳ, Công ty đã xóa sổ các khoản phải trả này vào lỗ lũy kế tại ngày 27 tháng 4 năm 2016 (Thuyết minh số 19).

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 27 tháng 4 năm 2016</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24)	-	2.378.626.181	-	2.378.626.181
Thuế thu nhập cá nhân	40.956.902	144.395.272	122.504.158	62.848.016
Thuế giá trị gia tăng	226.001.793	448.819.575	636.003.764	38.817.604
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	269.770.729	1.032.772.560	442.503.903	860.039.386
TỔNG CỘNG	536.729.424	4.004.613.588	1.201.011.825	3.340.331.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 27 tháng 4 năm 2016</i>
Trích trước chi phí tiền thuê nhà, thuê đất (*)	43.960.667.647	22.918.894.854
Trích trước chi phí khác	192.320.000	117.800.000
TỔNG CỘNG	44.152.987.647	23.036.694.854

(*) Đây là tiền thuê nhà, thuê đất phải trả cho giai đoạn trước cổ phần hóa của các khu đất số 44 phố Tràng Tiền, số 50A phố Hàng Bài, số 22A phố Hai Bà Trưng và số 22B phố Hai Bà Trưng. Trong kỳ, Công ty đã điều chỉnh chi phí thuê nhà và thuê đất chưa được ghi nhận cho giai đoạn trước cổ phần hóa vào lỗ lũy kế tại ngày 27 tháng 4 năm 2016 (Thuyết minh số 19).

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 27 tháng 4 năm 2016 (Phân loại lại)</i>
Ngắn hạn		
Phải trả cổ phần hóa (*)	2.404.332.639	10.462.804.418
Phải trả lãi tài khoản phong tỏa	728.805.641	728.805.641
Bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn	49.367.638	3.445.084
Đặt cọc thuê văn phòng	-	895.288.800
Các khoản phải trả quá hạn	-	1.147.683.432
	3.182.505.918	13.238.027.375
Dài hạn		
Nhận đặt cọc thuê văn phòng	721.309.200	-
	721.309.200	-
TỔNG CỘNG	3.903.815.118	13.238.027.375

(*) Đây là khoản tiền thu được từ cổ phần hóa Công ty sẽ phải trả lại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sau khi hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp sau cổ phần hóa được quyết toán và phê duyệt.

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn chủ sở hữu khác	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016							
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	46.024.955.562	-	3.380.973.209	17.671.524.326	949.521.397	-	68.026.974.494
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	649.417.705	649.417.705
- Tăng khác	3.026.846	-	-	180.512.782	-	185.346.482	368.886.110
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	191.755.592	(314.621.495)	(122.865.903)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(52.490.779)	(52.490.779)
Vào ngày 26 tháng 4 năm 2016	46.027.982.408	-	3.380.973.209	17.852.037.108	1.141.276.989	467.651.913	68.869.921.627
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016							
Vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 (số dư đầu kỳ mang sang từ công ty TNHH)	46.027.982.408	-	3.380.973.209	17.852.037.108	1.141.276.989	467.651.913	68.869.921.627
Điều chỉnh sau cổ phần hóa (i)	633.071.617.592	71.791.507.009	(3.380.973.209)	(17.852.037.108)	(1.141.276.989)	(467.651.913)	682.021.185.382
Vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 (số dư đầu kỳ của công ty cổ phần)	679.099.600.000	71.791.507.009	-	-	-	-	750.891.107.009
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	8.881.873.438	8.881.873.438
- Giảm khác (ii)	-	-	-	-	-	(55.836.728.309)	(55.836.728.309)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	679.099.600.000	71.791.507.009	-	-	-	(46.954.854.871)	703.936.252.138

(i) Vào ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chính thức chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần. Theo đó, Công ty ghi nhận các điều chỉnh tăng vốn điều lệ, tăng thặng dư vốn cổ phần và giảm các quỹ khác theo kết quả của cuộc đầu giá cổ phần.

Công ty cũng đã trình báo cáo xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch vào ngày 13 tháng 6 năm 2016. Tuy nhiên, hồ sơ này chưa được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt đến thời điểm lập báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(ii) Đây là các điều chỉnh của Công ty đối với các tồn đọng về tài chính của Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam trước khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần, chủ yếu bao gồm:

- ▶ Tiền thuê đất và thuê nhà chưa được ghi nhận;
- ▶ Các nghĩa vụ thuế với Nhà nước phát sinh trong các giai đoạn trước khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần chưa được ghi nhận;
- ▶ Các khoản phải thu tồn tại đã lâu hoặc không rõ đối tượng;
- ▶ Các khoản phải trả tồn tại đã lâu;
- ▶ Dự phòng giảm giá khoản đầu tư chưa được ghi nhận; và
- ▶ Doanh thu cho thuê mặt bằng của các giai đoạn trước khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần chưa được ghi nhận.

Ban Giám đốc đã quyết định xử lý các tồn đọng này vào lỗ lũy kế trong giai đoạn từ ngày 27 tháng 4 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 do theo Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược ngày 17 tháng 3 năm 2016, Công ty Cổ phần Sách Việt Nam sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm, nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam các tồn đọng về tài chính, về pháp lý, đặc biệt là những nội dung liên quan đến các cơ sở nhà đất Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam đang quản lý, sử dụng, trong đó có các khoản nợ tiền thuê nhà, đất của nhà nước chưa được tính đến thời điểm bàn giao sang Công ty Cổ phần Sách Việt Nam, khoản nợ này sẽ được tính vào chi phí của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng đưa ra xử lý kế toán này do báo cáo xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam tại thời điểm cổ phần hóa chưa được cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt đến thời điểm này.

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 27 tháng 4 năm 2016		Đơn vị tính: VND	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số		Cổ phiếu thường
Vốn cổ phần của Nhà nước	67.909.960.000	67.909.960.000	-	67.909.960.000	67.909.960.000	-
Vốn cổ phần của Tập đoàn	443.642.740.000	443.642.740.000	-	443.642.740.000	443.642.740.000	-
Vingroup – Công ty CP	167.546.900.000	167.546.900.000	-	167.546.900.000	167.546.900.000	-
Vốn cổ phần của cổ đông khác	71.791.507.009	71.791.507.009	-	71.791.507.009	71.791.507.009	-
Thặng dư vốn cổ phần						
TỔNG CỘNG	750.891.107.009	750.891.107.009	-	750.891.107.009	750.891.107.009	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016</i>
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	46.027.982.408	46.024.955.562
Điều chỉnh sau cổ phần hóa	633.071.617.592	-
Vốn góp tăng trong kỳ	-	3.026.846
Số cuối kỳ	<u>679.099.600.000</u>	<u>46.027.982.408</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 Cổ phiếu

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>		<i>Ngày 27 tháng 4 năm 2016</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành, đã phát hành và đang được lưu hành	6.790.996	679.099.600.000	6.790.996	679.099.600.000
Cổ phiếu phổ thông	6.790.996	679.099.600.000	6.790.996	679.099.600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016</i>
Tổng doanh thu	18.118.020.688	7.885.227.979
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ bán hàng hóa	9.446.495.205	4.485.454.302
Doanh thu từ cho thuê văn phòng	8.671.525.483	3.399.773.677
Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>-</u>	<u>-</u>
Doanh thu thuần	<u>18.118.020.688</u>	<u>7.885.227.979</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	16.605.135.214	7.885.227.979
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 25)	1.512.885.474	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu từ hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016</i>
Lãi tiền gửi	1.232.643.611	469.113.037
Lãi cho vay	20.183.333.334	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	261.800.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	15.268.203	95.948.167
TỔNG CỘNG	<u>21.431.245.148</u>	<u>826.861.204</u>

20.3 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016</i>
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	8.671.525.483	3.399.773.677
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	6.051.370.624	-
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư không tạo thu nhập cho thuê trong năm	-	-
Thu nhập từ kinh doanh bất động sản đầu tư	-	-

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.336.884.512	2.818.792.449
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	6.051.370.624	-
TỔNG CỘNG	<u>12.388.255.136</u>	<u>2.818.792.449</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên	3.671.847.753	1.241.326.196
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.778.981	103.563.698
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	91.649.918	98.548.848
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.955.439	3.737.936
- Chi phí bán hàng khác	537.454.285	720.321.487
TỔNG CỘNG	4.428.686.376	2.167.498.165
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.434.309.810	204.146.247
- Chi phí nhân viên	3.742.148.190	1.182.354.064
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.417.339.396	161.065.608
- Thuế, phí, lệ phí	439.724.327	3.000.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	100.642.031	53.927.000
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	95.227.000	1.445.639.890
TỔNG CỘNG	11.229.390.754	3.050.132.809

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016
Chi phí mua hàng hóa	6.336.884.512	2.818.792.449
Chi phí nhân công	7.413.995.943	2.423.680.260
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.579.570.046	164.803.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.793.453.199	460.185.793
Chi phí khác	922.428.566	2.168.961.377
TỔNG CỘNG	28.046.332.266	8.036.423.423

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.378.626.181	126.608.285
TỔNG CỘNG	2.378.626.181	126.608.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.260.499.619	776.025.990
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	2.252.099.924	155.205.198
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	126.526.257	23.763.087
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	52.360.000
Chi phí thuế TNDN	2.378.626.181	126.608.285

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>			
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê nhà	1.512.885.474	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sinh Thái ("Công ty Sinh Thái")	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay	600.000.000.000	-
		Lãi cho vay phải thu	17.966.666.667	-
		Lãi cho vay đã thu	(15.750.000.000)	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo đàm phán hợp đồng.

Ngoại trừ khoản cho bên liên quan vay, số dư các khoản phải thu, phải trả thương mại với các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cuối kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

					<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 27 tháng 4 năm 2016</i>		
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6.1)						
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê văn phòng	3.983.689.384	740.293.200		
			3.983.689.384	740.293.200		
Phải thu khác (Thuyết minh số 7)						
Công ty Sinh Thái	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu tiền lãi cho vay	2.216.666.667	-		
			2.216.666.667	-		

Chi tiết khoản cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

						<i>Đơn vị tính: VND</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Số dư gốc cho vay</i>	
Công ty Sinh Thái	Công ty cùng Tập đoàn	7%/năm	Không có	Ngày 13 tháng 7 năm 2017	600.000.000.000	

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016</i>		
Lương và thưởng	323.870.800	368.531.785		
TỔNG CỘNG	323.870.800	368.531.785		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.881.873.438
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.881.873.438
Ảnh hưởng suy giảm	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	8.881.873.438
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	67.909.960
Ảnh hưởng suy giảm	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	67.909.960
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	131
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	131

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

Công ty không trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016 do Công ty là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong giai đoạn báo cáo đó.

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Kinh doanh sách	Cho thuê bất động sản đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu	9.446.495.205	8.671.525.483	-	18.118.020.688
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	9.446.495.205	8.671.525.483	-	18.118.020.688
Giá vốn các bộ phận	6.336.884.512	6.051.370.624	-	12.388.255.136
Kết quả	3.109.610.693	2.620.154.859	-	5.729.765.552
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận				5.530.734.067
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)				11.260.499.619
Lợi nhuận trước thuế				(2.378.626.181)
Chi phí thuế TNDN				8.881.873.438
Lợi nhuận thuần sau thuế				
Tài sản và công nợ				38.975.280.086
Tài sản bộ phận	16.392.124.592	22.583.155.494	-	724.208.257.283
Tài sản không phân bổ (**)				763.183.537.369
Tổng tài sản				
Công nợ bộ phận	6.807.291.871	1.216.455.659	-	8.023.747.530
Công nợ không phân bổ (***)				51.223.537.701
Tổng công nợ				59.247.285.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

- (*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác;
- (**) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu khác, các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn;
- (***) Công nợ không phân bổ bao gồm thuế và các khoản phải nộp nhà nước, phải trả người lao động, chi phí trích trước và các khoản phải trả ngắn hạn khác.

28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Rủi ro liên quan đến các hợp đồng thuê đất của Công ty

Công ty hiện đang sử dụng các lô đất và tài sản trên đất tại 22A và 22B Hai Bà Trưng, 50A Hàng Bài (đều ở thành phố Hà Nội) làm cơ sở để kinh doanh và để cho thuê văn phòng. Tuy nhiên, các hợp đồng thuê nhà số 659/HĐTN ký ngày 30 tháng 8 năm 2005 và hợp đồng nhà đất số 312/XNHK/HĐTNCD ký ngày 30 tháng 9 năm 2014 liên quan đến các lô đất tại 22A và 22B Hai Bà Trưng đã hết thời hạn cho thuê từ ngày 18 tháng 7 năm 2008 và ngày 30 tháng 9 năm 2015, trong khi hợp đồng thuê nhà đất số 308/XNHK/HĐTNCD liên quan đến lô đất 50A Hàng Bài đã hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Ngoài ra, như được trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty cũng chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán tiền đất và tiền nhà cho giai đoạn trước khi cổ phần hóa cho Nhà nước. Trong giai đoạn từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã nộp đầy đủ nghĩa vụ tiền đất và tiền nhà phát sinh trong giai đoạn này dựa trên các thông báo nộp tiền thuê nhà của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội và công văn nộp tiền thuê đất của Chi cục Thuế Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa hoàn thành việc gia hạn các hợp đồng thuê nhà và hợp đồng thuê nhà đất nêu trên với các cơ quan quản lý Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty cũng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao hai khu đất tại huyện Đông Anh và phố Chùa Hà, Thành phố Hà Nội. Theo chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, Công ty tiếp tục sử dụng hai khu đất này cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa ký hợp đồng thuê đất với cơ quan quản lý Nhà nước cho hai khu đất này.

Các khoản nợ tiềm tàng liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 524/GCNDDC3/01/1 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày ngày 8 tháng 2 năm 1993, Công ty là một bên liên doanh tham gia vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc. Theo Điều 1 của Giấy chứng nhận đầu tư này, phần vốn góp của phía Việt Nam là 1.040.000 USD. Tuy nhiên, do đây là phần vốn góp liên doanh mà Công ty được kế thừa lại từ Công ty Khách sạn và Dịch vụ Văn hóa (một doanh nghiệp Nhà nước nay đã giải thể), Công ty không thể xác định liệu Công ty Khách sạn và Dịch vụ Văn hóa đã hoàn thành các nghĩa vụ về tiền sử dụng đất liên quan đến lô đất được sử dụng để góp vốn liên doanh nêu trên hay chưa, và liệu Công ty có phải chịu các nghĩa vụ về tiền sử dụng đất liên quan đến lô đất này trong trường hợp Công ty Khách sạn và Dịch vụ Văn hóa chưa hoàn thành nghĩa vụ về tiền sử dụng đất hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 (ngày chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

29. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 27 tháng 4 năm 2016 đã được trình bày lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính kỳ này, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Mã số	Khoản mục	Đã được trình bày trước đây	Điều chỉnh	Được trình bày lại
Bảng cân đối kế toán				
222	Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	(1) 51.718.791.987	(32.885.692.485)	18.833.099.502
223	Hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình	(1) (26.417.906.283)	(17.732.819.231)	(8.685.087.052)
231	Nguyên giá bất động sản đầu tư	(1) -	32.885.692.485	32.885.692.485
232	Giá trị hao mòn lũy kế bất động sản đầu tư	(1) -	(17.732.819.231)	(17.732.819.231)

(1) Công ty đã phân loại từ tài sản cố định sang bất động sản đầu tư tương ứng với phần diện tích của các bất động sản được dùng để cho thuê.

Ngoài ra, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016 cũng được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của kỳ này.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Minh
 Người lập



Đặng Xuân Ánh
 Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

